

Số: 47/2026/QĐST-DS

Thành phố Huế, ngày 23 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 346/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Á (A).

Địa chỉ trụ sở: D N, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Lầu H, Tòa nhà A, D C, phường N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P; chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L; chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ (theo Giấy ủy quyền số 1214/UQ-QLN.24 ngày 06/08/2024).

Người được ông Nguyễn Đình L ủy quyền lại (theo giấy ủy quyền số 2716/UQ-QLN.25 ngày 19/11/2025):

+ Ông Dương Đức T, chức vụ: Nhân viên; địa chỉ: Số A T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Ông Nguyễn Đăng T1, chức vụ: Nhân viên; địa chỉ: Số A T, phường P, thành phố H.

- Bị đơn:

+ Bà Đinh Thị Phương T2, sinh năm 1983; địa chỉ: TDP E, phường A, Thành phố H.

+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1943; địa chỉ: 1 H, phường A, thành phố H.

+ Em Trần Thị Nam P1, sinh năm 2008; địa chỉ: TDP E, phường A, Thành phố H.

+ Em Trần Thị Thanh X, sinh năm 2012; địa chỉ: TDP E, phường A, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của em Trần Thị Nam P1 và em Trần Thị Thanh X: Bà Đinh Thị Phương T2, sinh năm 1983; địa chỉ: TDP E, phường A, Thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ:

Các bị đơn - Bà Đinh Thị Phương T2, bà Trần Thị H, em Trần Thị Nam P1 và em Trần Thị Thanh X công nhận còn nợ Ngân hàng TMCP Á (A) tổng số nợ phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng số: BHU.CN.3391.241023 ký kết ngày 01/11/2023; Giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ số: 415.068.179 ký kết ngày 01/11/2023; Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số: BHU.CN.3388.241023 ký kết ngày 01/11/2023; Hợp đồng cấp tín dụng số: BHU.CN.5361.300524 ký kết ngày 05/06/2024; Giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ số: 440549629 ký kết ngày 05/06/2024; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: BHU.CN.5361.300524/SDBS-01 ký kết ngày 04/12/2024; tính đến ngày 10/02/2026 là 2.095.600.008 đồng (Hai tỷ không trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm nghìn không trăm lẻ tám đồng); trong đó nợ gốc: 1.894.994.000 đồng, lãi trong hạn: 164.113.060 đồng, lãi quá hạn: 31.056.432 đồng, lãi chậm trả: 5.436.516 đồng).

2.2. Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Vào ngày 25/02/2026, các bị đơn - Bà Đinh Thị Phương T2, bà Trần Thị H, em Trần Thị Nam P1 và em Trần Thị Thanh X sẽ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á (A) tổng số tiền là 2.095.600.008 đồng (Hai tỷ không trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm nghìn không trăm lẻ tám đồng); trong đó nợ gốc: 1.894.994.000 đồng, lãi trong hạn: 164.113.060 đồng, lãi quá hạn: 31.056.432 đồng, lãi chậm trả: 5.436.516 đồng).

Các bị đơn - Bà Đinh Thị Phương T2, bà Trần Thị H, em Trần Thị Nam P1 và em Trần Thị Thanh X phải tiếp tục trả lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng

chung, các Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ nêu trên tính kể từ ngày 11/02/2026 đến ngày trả hết nợ.

Trường hợp các bị đơn - Bà Đinh Thị Phương T2, bà Trần Thị H, em Trần Thị Nam P1 và em Trần Thị Thanh X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP Á (A) có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: BHU.BĐCN.331.241023 ký ngày 31/10/2023 để thu hồi nợ, gồm:

- Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa số 247, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại TDP H, xã P, thành phố H thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Trần Văn Đ và bà Đinh Thị Phương T2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 247495, số vào sổ cấp GCN: CH 01810 do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H) ban hành ngày 11/5/2021 đứng tên ông Ngô Viết L1 và bà Lê Thị N (đăng ký biến động chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Minh T3 ngày 27/7/2021; chuyển nhượng cho ông Trần Văn Đ và bà Đinh Thị Phương T2 vào ngày 05/4/2022).

- Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa số 594, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại TDP T, xã P, thành phố H thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Trần Văn Đ và bà Đinh Thị Phương T2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 704350, số vào sổ cấp GCN: CS 02201 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố H) ban hành ngày 05/11/2021 đứng tên ông Trần Đăng H1 và bà Trần Thị Kim L2 (đăng ký biến động chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn Đ và bà Đinh Thị Phương T2 vào ngày 19/4/2022).

Bà Trần Thị H, em Trần Thị Nam P1 và em Trần Thị Thanh X là những người hưởng thừa kế theo pháp luật có trách nhiệm trả nợ trong phạm vi di sản do ông Trần Văn Đ để lại.

3. Về án phí:

Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hòa giải nên bị đơn bà Đinh Thị Phương T2 tự nguyện chịu toàn bộ án phí là: $[72.000.000 \text{ đồng} + 2\% (2.095.600.008 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng})]/2 = 36.956.000 \text{ đồng}$ (Ba mươi sáu triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Á (A) số tiền tạm ứng án phí 36.026.000 đồng (Ba mươi sáu triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng) tại biên lai số 0001448 ngày 23/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố H.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn), các bên đương sự thỏa thuận bị đơn bà Đinh Thị Phương T2 phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng TMCP Á (A) đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên bà Đinh Thị Phương T2 phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP Á (A) số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

5. Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 1 – Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Hồng